

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Giáo dục thể chất 1 - MH1109023

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25111MH110902301 Số tín chỉ: 1

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Đặng Thành Cương - (09015)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2510100004	Nguyễn Trần Quảng	Bình	05/09/2007	C27QT1		7,5	Điểm Phẫu Thuật	
2	2510100009	Ngô Thị Mỹ	Hà	29/04/2007	C27QT1				
3	2510100022	Nguyễn Minh	Hải	15/05/2007	C27QT1		7,5	Điểm Phẫu Thuật	
4	2510100012	Lê Nguyễn Kim	Hằng	01/07/2007	C27QT1		8,5	Tâm Phẫu Thuật	
5	2510100029	Lê Thị Trung	Hậu	17/06/2006	C27QT1		8,5	Tâm Phẫu Thuật	
6	2510100024	Lê Thị Cẩm	Hoa	16/03/2007	C27QT1		8,5	Tâm Phẫu Thuật	
7	2510100007	Trần Thanh	Huỳnh	02/09/2007	C27QT1		8,5	Tâm Phẫu Thuật	
8	2510100025	Đặng Văn	Hùng	28/05/2007	C27QT1		8,0	Tâm Phẫu Thuật	
9	2510100014	Nguyễn Vũ	Khang	12/07/2007	C27QT1		7,0	Điểm Phẫu Thuật	
10	2510100019	Võ Thanh	Lâm	24/02/2007	C27QT1		7,5	Điểm Phẫu Thuật	
11	2510100017	Võ Điền	Lộc	03/10/2004	C27QT1		7,5	Điểm Phẫu Thuật	
12	2510100026	Cao Lê Khánh	Ly	29/10/2007	C27QT1		8,5	Tâm Phẫu Thuật	
13	2510100002	Nguyễn Diễm	My	21/09/2005	C27QT1		8,5	Tâm Phẫu Thuật	
14	2510100011	Lê Ngọc	Nga	26/09/2007	C27QT1		8,5	Tâm Phẫu Thuật	
15	2510100010	Phạm Khắc	Nguyên	05/12/2007	C27QT1		9,0	Chẩn Phẫu Thuật	
16	2510100016	Huỳnh Hoàng Phương	Nhi	31/10/2006	C27QT1		8,5	Tâm Phẫu Thuật	
17	2510100018	Trần Tiến	Phát	24/05/2007	C27QT1		8,5	Tâm Phẫu Thuật	
18	2510100030	Mai Thúy	Phượng	12/01/2007	C27QT1		7,0	Điểm Phẫu Thuật	
19	2510100013	Võ Quỳnh Phương	Quỳnh	08/06/2007	C27QT1		8,5	Tâm Phẫu Thuật	
20	2510100028	Võ Ngọc Diễm	Quỳnh	26/08/2007	C27QT1		8,5	Tâm Phẫu Thuật	
21	2510100008	Nguyễn Quán	Thành	5/3/2006	C27QT1		7,5	Điểm Phẫu Thuật	
22	2510100020	Ngô Minh	Thị	29/11/2007	C27QT1		7,5	Điểm Phẫu Thuật	
23	2510100021	Nguyễn Thị Hồng	Thu	13/03/2007	C27QT1		8,5	Tâm Phẫu Thuật	
24	2510100034	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	22/10/2007	C27QT1		8,5	Tâm Phẫu Thuật	
25	2510100032	Nguyễn Minh	Tiền	07/03/2007	C27QT1		7,0	Điểm Phẫu Thuật	
26	2510100006	Cao Thùy	Trang	28/02/2004	C27QT1		8,5	Tâm Phẫu Thuật	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
27	2510100015	Phạm Ngọc Phương Trang	09/10/2007	C27QT1	<i>ha</i>	8,5	Tấm Pháy Mỡ	
28	2510100035	Lê Nguyễn Nhật Trường	22/10/2006	C27QT1	<i>Truong</i>	7,0	Bảy Pháy Khổng	
29	2510100001	Nguyễn Trung Trúc	15/02/2005	C27QT1				
30	2510100031	Đinh Thị Cẩm Tú	28/04/2007	C27QT1				
31	2510100033	Nguyễn Kiến Văn	21/10/2006	C27QT1	<i>gan</i>	7,0	Bảy Pháy Khổng	
32	2510100005	Vũ Hà Vân	12/03/2005	C27QT1	<i>Van</i>	8,5	Tấm Pháy Mỡ	
33	2510100023	Huỳnh Khánh Vy	16/12/2007	C27QT1	<i>Vy</i>	8,5	Tấm Pháy Mỡ	
34	2510100003	Nguyễn Thị Kiều Vy	12/09/2007	C27QT1	<i>Vy</i>	8,5	Tấm Pháy Mỡ	
35	2510100027	Nguyễn Triệu Như Ý	10/09/2007	C27QT1	<i>Phu</i>	8,5	Tấm Pháy Mỡ	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 32 vắng thi: 03. Số bài thi: 32 / 32.

Ngày 11 tháng 8 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 11 tháng 8 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



han
Phạm Ngọc Quỳnh Châu

Cung
Đặng Thành Cường

Môn học : Giáo dục thể chất 1 - MH1109023

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25111MH110902301 Số tín chỉ: 1

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Đặng Thành Cương - (09015)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2510100004	Nguyễn Trần Quang	Bình	05/09/2007	C27QT1		9,0	Chín Phẩy Không	
2	2510100009	Ngô Thị Mỹ	Hà	29/04/2007	C27QT1				
3	2510100022	Nguyễn Minh	Hải	15/05/2007	C27QT1		9,0	Chín Phẩy Không	
4	2510100012	Lê Nguyễn Kim	Hằng	01/07/2007	C27QT1		10,0	Mười Phẩy Không	
5	2510100029	Lê Thị Trung	Hậu	17/06/2006	C27QT1		9,0	Chín Phẩy Không	
6	2510100024	Lê Thị Cẩm	Hoa	16/03/2007	C27QT1		8,0	Tám Phẩy Không	
7	2510100007	Trần Thanh	Huỳnh	02/09/2007	C27QT1		10,0	Mười Phẩy Không	
8	2510100025	Đặng Văn	Hùng	28/05/2007	C27QT1		10,0	Mười Phẩy Không	
9	2510100014	Nguyễn Vũ	Khang	12/07/2007	C27QT1		7,0	Bảy Phẩy Không	
10	2510100019	Võ Thanh	Lâm	24/02/2007	C27QT1		9,0	Chín Phẩy Không	
11	2510100017	Võ Diên	Lộc	03/10/2004	C27QT1		8,0	Tám Phẩy Không	
12	2510100026	Cao Lê Khánh	Ly	29/10/2007	C27QT1		7,0	Bảy Phẩy Không	
13	2510100002	Nguyễn Diễm	My	21/09/2005	C27QT1		8,0	Tám Phẩy Không	
14	2510100011	Lê Ngọc	Nga	26/09/2007	C27QT1		9,0	Chín Phẩy Không	
15	2510100010	Phạm Khắc	Nguyên	05/12/2007	C27QT1		10,0	Mười Phẩy Không	
16	2510100016	Huỳnh Hoàng Phương	Nhi	31/10/2006	C27QT1		8,0	Tám Phẩy Không	
17	2510100018	Trần Tiến	Phát	24/05/2007	C27QT1		7,0	Bảy Phẩy Không	
18	2510100030	Mai Thúy	Phượng	12/01/2007	C27QT1		8,0	Tám Phẩy Không	
19	2510100013	Võ Quỳnh Phương	Quỳnh	08/06/2007	C27QT1		7,0	Bảy Phẩy Không	
20	2510100028	Võ Ngọc Diễm	Quỳnh	26/08/2007	C27QT1		9,0	Chín Phẩy Không	
21	2510100008	Nguyễn Quán	Thành	5/3/2006	C27QT1		9,0	Chín Phẩy Không	
22	2510100020	Ngô Minh	Thị	29/11/2007	C27QT1		9,0	Chín Phẩy Không	
23	2510100021	Nguyễn Thị Hồng	Thu	13/03/2007	C27QT1		9,0	Chín Phẩy Không	
24	2510100034	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	22/10/2007	C27QT1		8,0	Tám Phẩy Không	
25	2510100032	Nguyễn Minh	Tiền	07/03/2007	C27QT1		8,0	Tám Phẩy Không	
26	2510100006	Cao Thùy	Trang	28/02/2004	C27QT1		9,0	Chín Phẩy Không	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
27	2510100015	Phạm Ngọc Phương Trang	09/10/2007	C27QT1	<i>Phạm Ngọc Phương</i>	10/10	Mười Phẩy Không	
28	2510100035	Lê Nguyễn Nhật Trường	22/10/2006	C27QT1	<i>Trường</i>	10/10	Mười Phẩy Không	
29	2510100001	Nguyễn Trung Trúc	15/02/2005	C27QT1				
30	2510100031	Đinh Thị Cẩm Tú	28/04/2007	C27QT1				
31	2510100033	Nguyễn Kiến Văn	21/10/2006	C27QT1	<i>Nguyễn Kiến Văn</i>	9/10	Chín Phẩy Không	
32	2510100005	Vũ Hà Vân	12/03/2005	C27QT1	<i>Vũ Hà Vân</i>	10/10	Mười Phẩy Không	
33	2510100023	Huỳnh Khánh Vy	16/12/2007	C27QT1	<i>Huỳnh Khánh Vy</i>	9/10	Chín Phẩy Không	
34	2510100003	Nguyễn Thị Kiều Vy	12/09/2007	C27QT1	<i>Nguyễn Thị Kiều Vy</i>	8/10	Tám Phẩy Không	
35	2510100027	Nguyễn Triệu Như Ý	10/09/2007	C27QT1	<i>Nguyễn Triệu Như Ý</i>	8/10	Tám Phẩy Không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 32 vắng thi: 03 . Số bài thi: 32 / 32 .

Ngày 25 tháng 8 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 25 tháng 8 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

 *Phạm Ngọc Quỳnh Châu*

Đặng Thành Cường

TRƯỜNG CĐBC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN
PHÒNG KHẢO THÍ BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Giáo dục thể chất 1 - MH1109023

Mã lớp học phần: 25111MH110902301 Số tín chỉ: 1

Giảng viên giảng dạy: Đặng Thành Cương - (09015)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2510150009	Huỳnh Tuấn Anh	24/05/2007	C27LG		7.0	Phẩy Phẩy Không	
2	2510150001	Nguyễn Thị Thanh Hằng	25/02/2005	C27LG		8.0	Tấm Phẩy Không	
3	2510150010	Huỳnh Nhật Hoa	01/09/2006	C27LG		7.0	Phẩy Phẩy Không	
4	2510010005	Võ Minh Kha	09/5/2007	C27LG		8.0	Tấm Phẩy Không	
5	2510150008	Nguyễn Đăng Khôi	23/11/2007	C27LG		8.0	Tấm Phẩy Không	
6	2510150005	Lê Hoàng Phát	17/10/2007	C27LG		8.0	Tấm Phẩy Không	
7	2510150011	Nguyễn Tấn Phát	29/05/2007	C27LG		7.0	Phẩy Phẩy Không	
8	2510150014	Nguyễn Văn Phú	22/10/2007	C27LG				
9	2510150013	Huỳnh Minh Phúc	15/12/2006	C27LG				
10	2510150007	Nguyễn Kim Phúc	29/08/2005	C27LG		8.0	Tấm Phẩy Không	
11	2510150006	Lê Mai Hoàng Quân	25/10/2003	C27LG		8.0	Tấm Phẩy Không	
12	2510150002	Nguyễn Trần Quốc Thắng	24/02/2007	C27LG		9.0	Chín Phẩy Không	
13	2510150003	Phạm Thị Thuý Trang	02/01/2007	C27LG		8.0	Tấm Phẩy Không	
14	2510150012	Nguyễn Huỳnh Ngọc Tú	29/04/2005	C27LG		7.0	Phẩy Phẩy Không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 12 vắng thi: 02 . Số bài thi: 12 / 12 .

Ngày 11 tháng 8 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Ngọc Quỳnh Châu

Ngày 11 tháng 8 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Đặng Thành Cương



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Giáo dục thể chất 1 - MH1109023

Mã lớp học phần: 25111MH110902301 Số tín chỉ: 1

Giảng viên giảng dạy: Đặng Thành Cương - (09015)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2510150009	Huỳnh Tuấn Anh	24/05/2007	C27LG		10,0	Mười Phẩy Không	
2	2510150001	Nguyễn Thị Thanh Hằng	25/02/2005	C27LG		9,0	Chín Phẩy Không	
3	2510150010	Huỳnh Nhật Hoa	01/09/2006	C27LG		9,0	Chín Phẩy Không	
4	2510010005	Võ Minh Kha	09/5/2007	C27LG		10,0	Mười Phẩy Không	
5	2510150008	Nguyễn Đăng Khôi	23/11/2007	C27LG		9,0	Chín Phẩy Không	
6	2510150005	Lê Hoàng Phát	17/10/2007	C27LG		7,0	Bảy Phẩy Không	
7	2510150011	Nguyễn Tấn Phát	29/05/2007	C27LG		10,0	Mười Phẩy Không	
8	2510150014	Nguyễn Văn Phú	22/10/2007	C27LG				
9	2510150013	Huỳnh Minh Phúc	15/12/2006	C27LG				
10	2510150007	Nguyễn Kim Phúc	29/08/2005	C27LG		7,0	Bảy Phẩy Không	
11	2510150006	Lê Mai Hoàng Quân	25/10/2003	C27LG		10,0	Mười Phẩy Không	
12	2510150002	Nguyễn Trần Quốc Thắng	24/02/2007	C27LG		9,0	Chín Phẩy Không	
13	2510150003	Phạm Thị Thuỷ Trang	02/01/2007	C27LG		8,0	Tám Phẩy Không	
14	2510150012	Nguyễn Huỳnh Ngọc Tú	29/04/2005	C27LG		9,0	Chín Phẩy Không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 12 vắng thi: 02 Số bài thi: 12 / 12

Ngày 25 tháng 8 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Đặng Ngọc Quỳnh Châu

Ngày 25 tháng 8 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Đặng Thành Cương



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Giáo dục thể chất 1 - MH1109023

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25111MH110902301 Số tín chỉ: 1

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Đặng Thành Cương - (09015)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210010141	Đỗ Văn Hoàng Khanh	08/12/2002	C24TH4		7,0	Hai Phẩy Không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 00. Số bài thi: 01 / 01.

Ngày: 11...tháng 8...năm 2025

Ngày: 11...tháng 8...năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)

Đạm Ngọc Quỳnh Châu
Đặng Thành Cương



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Giáo dục thể chất 1 - MH1109023

Mã lớp học phần: 25111MH110902301 Số tín chỉ: 1

Giảng viên giảng dạy: Đặng Thành Cường - (09015)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210010141	Đỗ Văn Hoàng Khanh	08/12/2002	C24TH4		8,0	Tám Phẩy Không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 01 vắng thi: 00 Số bài thi: 01 / 01.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 25 tháng 8 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Đặng Thành Cường

Đặng Thành Cường

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Giáo dục thể chất 1 - MH1109023

Mã lớp học phần: 25111MH110902301 Số tín chỉ: 1

Giảng viên giảng dạy: Đặng Thành Cương - (09015)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Đang	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310150049	Phan Hải	Đang	09/01/2002	C25LG2		7,5	Đúng Phạm Văn	
2	2310150046	Nguyễn Hoàng	Thuận	24/05/2005	C25LG2		7,0	Đúng Phạm Văn	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 02 vắng thi: 00. Số bài thi: 02 / 02.

Ngày: 11 tháng 8 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Ngọc Quỳnh Châu

Ngày: 11 tháng 8 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Đặng Thành Cương

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Giáo dục thể chất 1 - MH1109023

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25111MH110902301 Số tín chỉ: 1

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Đặng Thành Cương - (09015)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310150049	Phan Hải	09/01/2002	C25LG2		9,0	Chức Phẩy Khen	
2	2310150046	Nguyễn Hoàng	24/05/2005	C25LG2		9,0	Chức Phẩy Khen	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 02 vắng thi: 00. Số bài thi: 02 / 02.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025

Ngày 25 tháng 8 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)

Phan Ngọc Quỳnh Châu
Đặng Thành Cương

TRƯỜNG CĐBC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN

PHÒNG KHẢO THI VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Giáo dục thể chất 1 - MH1109023

Mã lớp học phần: 25111MH110902301 Số tín chỉ: 1

Giảng viên giảng dạy: Đặng Thành Cường - (09015)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410120028	Phan Văn Kha	23/12/2003	C26TC		7,0	Hay Phẩy Khỏe	
2	2410120027	Nguyễn Khánh Linh	21/06/2006	C26TC		7,0	Hay Phẩy Khỏe	
3	2410120029	Đinh Hoàng Đoàn	06/10/2006	C26TC		7,0	Hay Phẩy Khỏe	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 03 vắng thi: 00. Số bài thi: 03 / 03.

Ngày 11 tháng 8 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Phan Ngọc Quỳnh Châu

Ngày 11 tháng 8 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Đặng Thành Cường



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Giáo dục thể chất 1 - MH1109023

Mã lớp học phần: 25111MH110902301 Số tín chỉ: 1

Giảng viên giảng dạy: Đặng Thành Cương - (09015)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410120028	Phan Văn Kha	23/12/2003	C26TC		9,0	Chín Phẩy Không	
2	2410120027	Nguyễn Khánh Linh	21/06/2006	C26TC		8,0	Tám Phẩy Không	
3	2410120029	Đinh Hoàng Đoàn	06/10/2006	C26TC		9,0	Chín Phẩy Không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 03 vắng thi: 00 . Số bài thi: 03 / 03 .

Ngày 25 tháng 8 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 25 tháng 8 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Phan Ngọc Quỳnh Châu

Đặng Thành Cương



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : ~~Giáo dục thể chất 1~~ - MH1109023

Mã lớp học phần: 25111MH110902301 Số tín chỉ: 1

Giảng viên giảng dạy: Đặng Thành Cường - (09015)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2510100036	Nguyễn Trần Trọng Ân	22/07/2005	C27QT2	An	7.0	Điểm Phẩy Không	
2	2510100040	Thạch Thái Dương	07/10/2007	C27QT2	Thạch	7.0	Điểm Phẩy Không	
3	2510100041	Trần Phúc An Khang	14/03/2005	C27QT2	Khang	7.0	Điểm Phẩy Không	
4	2510100043	Nguyễn Đăng Khánh	09/01/2007	C27QT2				
5	2510100038	Nguyễn Thị Trúc Lam	26/06/2007	C27QT2	Lam	7.0	Điểm Phẩy Không	
6	2510100039	Trần Thị Bích Ngọc	14/12/2007	C27QT2	Ngọc	7.0	Điểm Phẩy Không	
7	2510100037	Nguyễn Lê Anh Thư	09/02/2006	C27QT2	Thư	7.0	Điểm Phẩy Không	
8	2510100042	Nguyễn Hồng Nhựt Vinh	29/09/2005	C27QT2				

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 06 vắng thi: 02 . Số bài thi: 06 / 02 .

Ngày 11 tháng 8 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Châu
Tham Ngọc Quỳnh Châu

Ngày 11 tháng 8 năm 2025 .

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Cường
Đặng Thành Cường



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Giáo dục thể chất 1 - MH1109023

Mã lớp học phần: 25111MH110902301 Số tín chỉ: 1

Giảng viên giảng dạy: Đặng Thành Cường - (09015)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2510100036	Nguyễn Trần Trọng Ân	22/07/2005	C27QT2	An	9,0	Chín Phẩy Không	
2	2510100040	Thạch Thái Dương	07/10/2007	C27QT2	Thạch	10,0	Mười Phẩy Không	
3	2510100041	Trần Phúc An Khang	14/03/2005	C27QT2	Khang	10,0	Mười Phẩy Không	
4	2510100043	Nguyễn Đăng Khánh	09/01/2007	C27QT2				
5	2510100038	Nguyễn Thị Trúc Lam	26/06/2007	C27QT2	Lam	8,0	Tám Phẩy Không	
6	2510100039	Trần Thị Bích Ngọc	14/12/2007	C27QT2	ngoc	7,0	Bảy Phẩy Không	
7	2510100037	Nguyễn Lê Anh Thư	09/02/2006	C27QT2	Thư	9,0	Chín Phẩy Không	
8	2510100042	Nguyễn Hồng Nhựt Vinh	29/09/2005	C27QT2				

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 06 vắng thi: 02. Số bài thi: 06 / 06.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

han
Phạm Ngọc Quỳnh Châu

Ngày 25 tháng 8 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Cường
Đặng Thành Cường

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Giáo dục thể chất 1 - MH1109023

Mã lớp học phần: 25111MH110902301 Số tín chỉ: 1

Giảng viên giảng dạy: Đặng Thành Cương - (09015)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Đạt	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310010093	Lê Tấn	Đạt	12/02/2005	C25TH3		7.0	Bảy Phẩy Không	
2	2310010095	Nguyễn Hữu	Trí	06/10/2005	C25TH3		7.0	Bảy Phẩy Không	
3	2310010098	Nguyễn Quang	Trường	13/06/2005	C25TH3		7.0	Bảy Phẩy Không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 03 vắng thi: 00. Số bài thi: 03 / 03.

Ngày: 11...tháng 8...năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Thám Ngọc Quỳnh Châu

Ngày: 11...tháng 8...năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Đặng Thành Cương



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Giáo dục thể chất 1 - MH1109023

Mã lớp học phần: 25111MH110902301 Số tín chỉ: 1

Giảng viên giảng dạy: Đặng Thành Cường - (09015)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310010093	Lê Tấn Đạt		12/02/2005	C25TH3		10,0	Mười Phẩy Không	
2	2310010095	Nguyễn Hữu Trí		06/10/2005	C25TH3		9,0	Chín Phẩy Không	
3	2310010098	Nguyễn Quang Trường		13/06/2005	C25TH3		9,0	Tám Phẩy Không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 03 vắng thi: 00 . Số bài thi: 03 / 03 .

Ngày 25 tháng 8 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phan Ngọc Quỳnh Châu

Ngày 25 tháng 8 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Đặng Thành Cường



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Giáo dục thể chất 1 - MH1109023

Mã lớp học phần: 25111MH110902301 Số tín chỉ: 1

Giảng viên giảng dạy: Đặng Thành Cương - (09015)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210120048	Nguyễn Trọng Nguyên	14/01/2003	C24TC2		7,0	Bảy Phẩy Không	
2	2210120049	Đỗ Ngọc Quỳnh	27/12/2004	C24TC2		7,0	Bảy Phẩy Không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 02 vắng thi: 00 . Số bài thi: 02 / 02 .

Ngày 11 tháng 8 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 11 tháng 8 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Ngọc Quỳnh Châu

Đặng Thành Cương



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Giáo dục thể chất 1 - MH1109023

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25111MH110902301 Số tín chỉ: 1

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Đặng Thành Cường - (09015)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210120048	Nguyễn Trọng Nguyên	14/01/2003	C24TC2		9,0	Chín Phẩy Không	
2	2210120049	Đỗ Ngọc Quỳnh	27/12/2004	C24TC2		8,0	Tám Phẩy Không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 02 vắng thi: 00 . Số bài thi: 02 / 02 .Ngày 25 tháng 8 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Đỗ Ngọc Quỳnh ChâuNgày 25 tháng 8 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Đặng Thành Cường



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Giáo dục thể chất 1 - MH1109023

Mã lớp học phần: 25111MH110902301 Số tín chỉ: 1

Giảng viên giảng dạy: Đặng Thành Cường - (09015)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2510130009	Lê Nguyễn Hồng	Anh	12/04/2007	C27TA		7,0	Điểm Phẩy Không	
2	2510130008	Nguyễn Hoài Nguyên	Bảo	28/10/2007	C27TA		8,0	Tám Phẩy Không	
3	2510130002	Trần Thị Kim	Chung	18/06/2007	C27TA		8,0	Tám Phẩy Không	
4	2510130010	Nguyễn Minh Đăng	Kha	21/04/2007	C27TA		7,0	Điểm Phẩy Không	
5	2510130007	Phạm Thị Giao	Linh	18/03/2006	C27TA		8,0	Tám Phẩy Không	
6	2510130004	Lê Thị Thanh	Ngọc	25/12/2007	C27TA		8,0	Tám Phẩy Không	
7	2510130003	Đào Ý	Nhi	16/12/2007	C27TA		8,0	Tám Phẩy Không	
8	2510130012	Lạc Mỹ	Nhi	01/03/2007	C27TA		7,0	Điểm Phẩy Không	
9	2510130001	Trần Vũ Quỳnh	Như	25/04/2004	C27TA		8,0	Tám Phẩy Không	
10	2510130005	Nguyễn Thanh	Phương	31/08/2000	C27TA		8,5	Tám Phẩy Năm	
11	2510130011	Lê Trần Minh	Thư	13/11/2006	C27TA		7,0	Điểm Phẩy Không	
12	2510130006	Trần Bảo	Trâm	09/12/2007	C27TA		8,0	Tám Phẩy Không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 12 vắng thi: 00, Số bài thi: 12 / 12.

Ngày 11 tháng 8 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 11 tháng 8 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Giáo dục thể chất 1 - MH1109023

Mã lớp học phần: 25111MH110902301 Số tín chỉ: 1

Giảng viên giảng dạy: Đặng Thành Cương - (09015)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Anh	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2510130009	Lê Nguyễn Hồng	Anh	12/04/2007	C27TA		7,0	Phối Phái Không	
2	2510130008	Nguyễn Hoài Nguyên	Bảo	28/10/2007	C27TA		9,0	Chín Phối Không	
3	2510130002	Trần Thị Kim	Chung	18/06/2007	C27TA		9,0	Chín Phối Không	
4	2510130010	Nguyễn Minh Đăng	Kha	21/04/2007	C27TA		9,0	Chín Phối Không	
5	2510130007	Phạm Thị Giao	Linh	18/03/2006	C27TA		8,0	Tám Phối Không	
6	2510130004	Lê Thị Thanh	Ngọc	25/12/2007	C27TA		9,0	Chín Phối Không	
7	2510130003	Đào Ý	Nhi	16/12/2007	C27TA		9,0	Chín Phối Không	
8	2510130012	Lạc Mỹ	Nhi	01/03/2007	C27TA		10,0	Mười Phối Không	
9	2510130001	Trần Vũ Quỳnh	Như	25/04/2004	C27TA		9,0	Chín Phối Không	
10	2510130005	Nguyễn Thanh	Phương	31/08/2000	C27TA		8,0	Tám Phối Không	
11	2510130011	Lê Trần Minh	Thư	13/11/2006	C27TA		8,0	Tám Phối Không	
12	2510130006	Trần Bảo	Trâm	09/12/2007	C27TA		9,0	Chín Phối Không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 12 vắng thi: 00. Số bài thi: 12 / 12.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Ngọc Quỳnh Châu

Ngày 25 tháng 8 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Đặng Thành Cương



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Giáo dục thể chất 1 - MH1109023

Mã lớp học phần: 25111MH110902301

Số tín chỉ: 1

Giảng viên giảng dạy: Đặng Thành Cương - (09015)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2510110008	Trần Nguyễn Anh Đào	12/06/2007	C27KT	<i>Dào</i>	8,0	Tam phẩy không	
2	2510110001	Nguyễn Bá Minh Huy	30/07/2005	C27KT	<i>Huy</i>	8,0	Tam phẩy không	
3	2510110005	Dương Thuỷ Mỹ	14/01/2007	C27KT	<i>Mỹ</i>	8,0	Tam phẩy không	
4	2510120003	Nguyễn Thị Thúy Ngân	31/01/2007	C27KT	<i>Ngân</i>	7,0	Bảy phẩy không	
5	2510110002	Võ Thị Bảo Ngọc	14/12/2007	C27KT	<i>Ngọc</i>	8,0	Tam phẩy không	
6	2510110006	Hồ Thảo Nguyên	03/01/2007	C27KT	<i>Nguyên</i>	8,0	Tam phẩy không	
7	2510110007	Lê Phúc Triệu	12/09/2007	C27KT	<i>Triệu</i>	8,0	Tam phẩy không	
8	2510110003	Đinh Bội Tuyền	27/07/2007	C27KT	<i>Tuyền</i>	8,0	Tam phẩy không	
9	2510110004	Nguyễn Trần Ngọc Yến	26/02/2001	C27KT	<i>Yến</i>	8,0	Tam phẩy không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 09 vắng thi: 00 . Số bài thi: 09 / 00 .Ngày: 11 tháng 8 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

han

Đạm Ngọc Quỳnh Châu

Ngày: 11 tháng 8 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Cương

Đặng Thành Cương

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ &

TRƯỜNG CĐBC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

**PHÒNG KHẢO THI VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Giáo dục thể chất 1 - MH1109023

Mã lớp học phần: 25111MH110902301 Số tín chỉ: 1

Giảng viên giảng dạy: Đặng Thành Cương - (09015)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2510110008	Trần Nguyễn Anh Đào	12/06/2007	C27KT	<i>Đào</i>	8,0	Tám phẩy không	
2	2510110001	Nguyễn Bá Minh Huy	30/07/2005	C27KT	<i>Huy</i>	10,0	Mười phẩy không	
3	2510110005	Dương Thuý My	14/01/2007	C27KT	<i>My</i>	8,0	Tám phẩy không	
4	2510120003	Nguyễn Thị Thúy Ngân	31/01/2007	C27KT	<i>Ngân</i>	7,0	Bảy phẩy không	
5	2510110002	Võ Thị Bảo Ngọc	14/12/2007	C27KT	<i>Ngọc</i>	7,0	Bảy phẩy không	
6	2510110006	Hồ Thảo Nguyên	03/01/2007	C27KT	<i>Nguyên</i>	7,0	Bảy phẩy không	
7	2510110007	Lê Phúc Triệu	12/09/2007	C27KT	<i>Triệu</i>	7,0	Bảy phẩy không	
8	2510110003	Đinh Bội Tuyền	27/07/2007	C27KT	<i>Tuyền</i>	10,0	Mười phẩy không	
9	2510110004	Nguyễn Trần Ngọc Yến	26/02/2001	C27KT	<i>Yến</i>	9,0	Chín phẩy không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 09 vắng thi: 00 . Số bài thi: 09 / 09 .

Ngày 25 tháng 8 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

han
Phạm Ngọc Quỳnh Châu

Ngày 25 tháng 8 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Cương
Đặng Thành Cương

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Giáo dục thể chất 1 - MH1109023

Mã lớp học phần: 25111MH110902301 Số tín chỉ: 1

Giảng viên giảng dạy: Đặng Thành Cương - (09015)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2510160012	Nguyễn Phát	Đạt	28/12/2007	C27TM		7,0	Bảy Phẩy Không	
2	2510160004	Dương Trọng	Đức	27/08/2007	C27TM				
3	2510160006	Trần Duy	Khang	07/12/2007	C27TM		7,5	Bảy Phẩy Năm	
4	2510160002	Lý Minh	Khoa	31/10/2000	C27TM		8,0	Tám Phẩy Không	
5	2510160008	Nguyễn Đình Ngọc	Khoa	31/10/2007	C27TM		7,5	Bảy Phẩy Năm	
6	2510160007	Dương Đình Tuấn	Kiệt	05/07/2005	C27TM				
7	2510160001	Lâm Hải	Luân	02/06/2003	C27TM		8,0	Tám Phẩy Không	
8	2510160014	Phan	Minh	17/12/2007	C27TM		7,0	Bảy Phẩy Không	
9	2510160011	Hà Phúc Nguyên	Nam	28/04/2007	C27TM		7,0	Bảy Phẩy Không	
10	2510160005	Mai Thanh	Nhân	15/12/2004	C27TM				
11	2510160009	Lê Thanh Hoài	Phú	02/11/2004	C27TM				
12	2510160003	Trần Thị Anh	Thư	12/04/2007	C27TM		8,0	Tám Phẩy Không	
13	2510160013	Lâm Thị Quyền	Trân	16/10/2007	C27TM		7,0	Bảy Phẩy Không	
14	2510160010	Trần Thảo	Uyên	18/10/2007	C27TM		7,0	Bảy Phẩy Không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 10 vắng thi: 04. Số bài thi: 10 / 10.

Ngày: 11...tháng 8...năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày: 11...tháng 8...năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Ngọc Quỳnh Châu

Đặng Thành Cương

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Giáo dục thể chất 1 - MH1109023

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25111MH110902301 Số tín chỉ: 1

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Đặng Thành Cường - (09015)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2510160012	Nguyễn Phát	Đạt	28/12/2007	C27TM		9,0	Chín Phẩy Không	
2	2510160004	Đương Trọng	Đức	27/08/2007	C27TM				
3	2510160006	Trần Duy	Khang	07/12/2007	C27TM		9,0	Chín Phẩy Không	
4	2510160002	Lý Minh	Khoa	31/10/2000	C27TM		10,0	Mười Phẩy Không	
5	2510160008	Nguyễn Đình Ngọc	Khoa	31/10/2007	C27TM		9,0	Chín Phẩy Không	
6	2510160007	Đương Đình Tuấn	Kiệt	05/07/2005	C27TM				
7	2510160001	Lâm Hải	Luân	02/06/2003	C27TM		10,0	Mười Phẩy Không	
8	2510160014	Phan	Minh	17/12/2007	C27TM		10,0	Mười Phẩy Không	
9	2510160011	Hà Phúc Nguyên	Nam	28/04/2007	C27TM		10,0	Mười Phẩy Không	
10	2510160005	Mai Thanh	Nhân	15/12/2004	C27TM				
11	2510160009	Lê Thanh Hoài	Phú	02/11/2004	C27TM				
12	2510160003	Trần Thị Anh	Thư	12/04/2007	C27TM		10,0	Mười Phẩy Không	
13	2510160013	Lâm Thị Quyền	Trân	16/10/2007	C27TM		9,0	Chín Phẩy Không	
14	2510160010	Trần Thảo	Uyên	18/10/2007	C27TM		9,0	Chín Phẩy Không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 10 vắng thi: 04 . Số bài thi: 10 / 10 .

Ngày 25 tháng 8 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Ngọc Quỳnh Châu

Ngày 25 tháng 8 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Đặng Thành Cường

TRƯỜNG CĐBC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN

**PHÒNG KHẢO THI VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG**

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Giáo dục thể chất 1 - MH1109023

Mã lớp học phần: 25111MH110902301 Số tín chỉ: 1

Giảng viên giảng dạy: Đặng Thành Cương - (09015)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2510120001	Mai Thái Phong	09/10/1999	C27TC		8,0	Tám Phẩy Không	
2	2510120002	Phan Thị Kiều Trân	14/02/2007	C27TC		8,5	Tám Phẩy Năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 02 vắng thi: 00 . Số bài thi: 02 / 02 .

Ngày 11 tháng 8 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 11 tháng 8 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Phan Ngọc Quỳnh Châu


Đặng Thành Cương

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Giáo dục thể chất 1 - MH1109023

Mã lớp học phần: 25111MH110902301 Số tín chỉ: 1

Giảng viên giảng dạy: Đặng Thành Cương - (09015)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2510120001	Mai Thái Phong	09/10/1999	C27TC		10,0	Mai Thái Phong	
2	2510120002	Phan Thị Kiều Trân	14/02/2007	C27TC		9,0	Phan Thị Kiều Trân	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

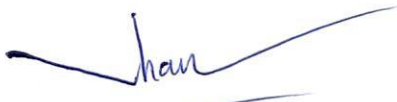
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 02 vắng thi: 00 . Số bài thi: 02 / 02 .

Ngày 25 tháng 8 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Phan Ngọc Quỳnh Châu

Ngày 25 tháng 8 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Đặng Thành Cương

PHÒNG KHẢO BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Giáo dục thể chất 1 - MH1109023

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25111MH110902301 Số tín chỉ: 1

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Đặng Thành Cường - (09015)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410110032	Văn Đỗ Thuận	Giang	21/08/2006	C26KT		7/10	Phẩy Phẩy không	
2	2410110030	Nguyễn Phan Xuân	Hương	04/12/2006	C26KT		7/10	Phẩy Phẩy không	
3	2410110033	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	02/02/2006	C26KT		7/10	Phẩy Phẩy không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 03 vắng thi: 00 . Số bài thi: 03 / 03 .Ngày: 11 tháng 8 năm 2025Ngày: 11 tháng 8 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)

Môn học : Giáo dục thể chất 1 - MH1109023

Mã lớp học phần: 25111MH110902301 Số tín chỉ: 1

Giảng viên giảng dạy: Đặng Thành Cương - (09015)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410110032	Văn Đỗ Thuận	21/08/2006	C26KT		8,0	Tám không	
2	2410110030	Nguyễn Phan Xuân	04/12/2006	C26KT		8,0	Tám Phẩy Không	
3	2410110033	Nguyễn Thị Thanh	02/02/2006	C26KT		9,0	Chín Phẩy Không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 03 vắng thi: 00 . Số bài thi: 03 / 03 .Ngày 25 tháng 8 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 25 tháng 8 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Ngọc Quỳnh Châu
Đặng Thành Cương



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Giáo dục thể chất 1 - MH1109023

Mã lớp học phần: 25111MH110902301 Số tín chỉ: 1

Giảng viên giảng dạy: Đặng Thành Cương - (09015)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410100045	Trần Thị Hồng	Gấm	01/01/2006	C26QT2		7.0	Đúng Phức Không	
2	2410100048	Trần Thị Hà	Ny	13/12/2006	C26QT2		7.0	Đúng Phức Không	
3	2410100044	Nguyễn Thị Minh	Thơ	18/05/2006	C26QT2		7.0	Đúng Phức Không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 03 vắng thi: 00 . Số bài thi: 03 / 03 .

Ngày 11 tháng 8 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Ngọc Quỳnh Châu

Ngày 11 tháng 8 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Đặng Thành Cương



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Giáo dục thể chất 1 - MH1109023

Mã lớp học phần: 25111MH110902301 Số tín chỉ: 1

Giảng viên giảng dạy: Đặng Thành Cương - (09015)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410100045	Trần Thị Hồng	Giam	01/01/2006	C26QT2		8,0	Tám Phẩy Không	
2	2410100048	Trần Thị Hà	Ny	13/12/2006	C26QT2		10,0	Mười Phẩy Không	
3	2410100044	Nguyễn Thị Minh	Thor	18/05/2006	C26QT2		7,0	Bảy Phẩy Không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 03 vắng thi: 00 . Số bài thi: 03 / 03 .

Ngày 25 tháng 8 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 25 tháng 8 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Ngọc Quỳnh Châu

Đặng Thành Cương

TRƯỜNG CAO ĐẲNG B.C CÔNG NGHỆ VÀ QTDN

**PHÒNG KHẢO THÍ VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG**

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Giáo dục thể chất 1 - MH1109023

Mã lớp học phần: 25111MH110902301 Số tín chỉ: 1

Giảng viên giảng dạy: Đặng Thành Cương - (09015)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Lộc	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310160036	Huỳnh Tấn	Lộc	16/10/2004	C25TM	<i>Đạt</i>	7,0	Phải Phải Đạt	
2	2310160035	Nguyễn Minh	Luân	08/11/2005	C25TM	<i>Luân</i>	7,0	Phải Phải Đạt	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 02 vắng thi: 00 . Số bài thi: 02 / 02 .

Ngày 11 tháng 8 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

han
Đạm Ngọc Quỳnh Châu

Ngày 11 tháng 8 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Cương
Đặng Thành Cương



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Giáo dục thể chất 1 - MH1109023

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25111MH110902301 Số tín chỉ: 1

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Đặng Thành Cường - (09015)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Lộc	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310160036	Huỳnh Tấn	Lộc	16/10/2004	C25TM		10,0	Mười Phẩy Không	
2	2310160035	Nguyễn Minh	Luân	08/11/2005	C25TM		7,0	Bảy Phẩy Không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 02 vắng thi: 00. Số bài thi: 02 / 02.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Ngọc Quỳnh Châu

Ngày 25 tháng 8 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Đặng Thành Cường



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Giáo dục thể chất 1 - MH1109023

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25111MH110902301 Số tín chỉ: 1

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Đặng Thành Cương - (09015)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Cường	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410010045	Lâm Chí	Cường	09/01/2006	C26TH	<i>Cường</i>	7,0	Đạt	Phải
2	2410010042	Nguyễn Lê Hữu	Nhân	01/06/2006	C26TH	<i>Nhân</i>	7,0	Đạt	Phải

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 02 vắng thi: 00 . Số bài thi: 02 / 02 .

Ngày: 11...tháng 8...năm 2025

Ngày: 11...tháng 8...năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)

han
Phạm Ngọc Quỳnh Châu

Cường
Đặng Thành Cương



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Giáo dục thể chất 1 - MH1109023

Mã lớp học phần: 25111MH110902301 Số tín chỉ: 1

Giảng viên giảng dạy: Đặng Thành Cương - (09015)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410010045	Lâm Chí Cường		09/01/2006	C26TH	<i>Cường</i>	7,0	Điểm Phẫu Thuật	
2	2410010042	Nguyễn Lê Hữu Nhân		01/06/2006	C26TH	<i>Nhan</i>	9,0	Điểm Phẫu Thuật	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 02 vắng thi: 00 . Số bài thi: 02 / 02 .

Ngày 25 tháng 8 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Nhan
Phạm Ngọc Quỳnh Châu

Ngày 25 tháng 8 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Cương
Đặng Thành Cương

TRƯỜNG CĐBC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Giáo dục thể chất 1 - MH1109023

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25111MH110902301 Số tín chỉ: 1

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Đặng Thành Cương

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 03/11/2025 Giờ thi: 09h30 Phòng thi: SAN1

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2510130009	Lê Nguyễn Hồng Anh	12/04/2007			7,0	Bảy Phẩy Không	C27TA	
2	2510130002	Trần Thị Kim Chung	18/06/2007			9,0	Chín Phẩy Không	C27TA	
3	2410100045	Trần Thị Hồng Gấm	01/01/2006			8,0	Tám Phẩy Không	C26QT2	
4	2410110032	Văn Đỗ Thuận Giang	21/08/2006			8,0	Tám Phẩy Không	C26KT	
5	2510100012	Lê Nguyễn Kim Hằng	01/07/2007			10,0	Mười Phẩy Không	C27QT1	
6	2510100017	Nguyễn Thị Thanh Hằng	25/02/2005			9,0	Chín Phẩy Không	C27LG	
7	2510100039	Lê Thị Trung Hậu	17/06/2006			9,0	Chín Phẩy Không	C27QT1	
8	2510150010	Huỳnh Nhật Hoa	01/09/2006			9,0	Chín Phẩy Không	C27LG	
9	2510100024	Lê Thị Cẩm Hoa	16/03/2007			8,0	Tám Phẩy Không	C27QT1	
10	2410110030	Nguyễn Phan Xuân Hương	04/12/2006			8,0	Tám Phẩy Không	C26KT	
11	2510100014	Nguyễn Vũ Khang	12/07/2007			7,0	Bảy Phẩy Không	C27QT1	
12	2510160006	Trần Duy Khang	07/12/2007			9,0	Chín Phẩy Không	C27TM	
13	2510100038	Nguyễn Thị Trúc Lam	26/06/2007			8,0	Tám Phẩy Không	C27QT2	
14	2510130007	Phạm Thị Giao Linh	18/03/2006			8,0	Tám Phẩy Không	C27TA	
15	2510100017	Võ Diên Lộc	03/10/2004			8,0	Tám Phẩy Không	C27QT1	
16	2510100026	Cao Lê Khánh Ly	29/10/2007			7,0	Bảy Phẩy Không	C27QT1	
17	2510100002	Nguyễn Diễm My	21/09/2005			8,0	Tám Phẩy Không	C27QT1	
18	2510100011	Lê Ngọc Nga	26/09/2007			9,0	Chín Phẩy Không	C27QT1	
19	2510130004	Lê Thị Thanh Ngọc	25/12/2007			9,0	Chín Phẩy Không	C27TA	
20	2510100039	Trần Thị Bích Ngọc	14/12/2007			7,0	Bảy Phẩy Không	C27QT2	
21	2510130003	Đào Ý Nhi	16/12/2007			9,0	Chín Phẩy Không	C27TA	
22	2510100016	Huỳnh Hoàng Phương Nhi	31/10/2006			8,0	Tám Phẩy Không	C27QT1	
23	2510130012	Lạc Mỹ Nhi	01/03/2007			10,0	Mười Phẩy Không	C27TA	
24	2510130001	Trần Vũ Quỳnh Như	25/04/2004			9,0	Chín Phẩy Không	C27TA	
25	2410100048	Trần Thị Hà Ny	13/12/2006			10,0	Mười Phẩy Không	C26QT2	
26	2510100018	Trần Tiến Phát	24/05/2007			7,0	Bảy Phẩy Không	C27QT1	
27	2510150007	Nguyễn Kim Phúc	29/08/2005			7,0	Bảy Phẩy Không	C27LG	
28	2510100030	Mai Thúy Phượng	12/01/2007			8,0	Tám Phẩy Không	C27QT1	
29	2510100013	Võ Quỳnh Phương Quỳn	08/06/2007			7,0	Bảy Phẩy Không	C27QT1	
30	2210120049	Đỗ Ngọc Quỳnh	27/12/2004			8,0	Tám Phẩy Không	C24TC2	
31	2510100028	Võ Ngọc Diễm Quỳn	26/08/2007			9,0	Chín Phẩy Không	C27QT1	
32	2410110033	Nguyễn Thị Thanh Thảo	02/02/2006			9,0	Chín Phẩy Không	C26KT	
33	2410100044	Nguyễn Thị Minh Thơ	18/05/2006			7,0	Bảy Phẩy Không	C26QT2	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
34	2510100021	Nguyễn Thị Hồng	Thu	13/03/2007			9,0	Chín Phẩy Không	C27QT1	
35	2510130011	Lê Trần Minh	Thư	13/11/2006			8,0	Tám Phẩy Không	C27TA	
36	2510100037	Nguyễn Lê Anh	Thư	09/02/2006			9,0	Chín Phẩy Không	C27QT2	
37	2510160003	Trần Thị Anh	Thư	12/04/2007			10,0	Mười Phẩy Không	C27TM	
38	2510100034	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	22/10/2007			8,0	Tám Phẩy Không	C27QT1	
39	2510100032	Nguyễn Minh	Tiên	07/03/2007			8,0	Tám Phẩy Không	C27QT1	
40	2510100006	Cao Thùy	Trang	28/02/2004			9,0	Chín Phẩy Không	C27QT1	
41	2510100015	Phạm Ngọc Phương	Trang	09/10/2007			10,0	Mười Phẩy Không	C27QT1	
42	2510150003	Phạm Thị Thuý	Trang	02/01/2007			8,0	Tám Phẩy Không	C27LG	
43	2510130006	Trần Bảo	Trâm	09/12/2007			9,0	Chín Phẩy Không	C27TA	
44	2510160013	Lâm Thị Quyền	Trân	16/10/2007			9,0	Chín Phẩy Không	C27TM	
45	2510120002	Phan Thị Kiều	Trân	14/02/2007			9,0	Chín Phẩy Không	C27KT	
46	2510100035	Lê Nguyễn Nhật	Trường	22/10/2006			10,0	Mười Phẩy Không	C27QT1	
47	2510150012	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Tú	29/04/2005			9,0	Chín Phẩy Không	C27LG	
48	2510160010	Trần Thảo	Uyên	18/10/2007			9,0	Chín Phẩy Không	C27TM	
49	2510100005	Vũ Hà	Vân	12/03/2005			10,0	Mười Phẩy Không	C27QT1	
50	2510100023	Huỳnh Khánh	Vy	16/12/2007			9,0	Chín Phẩy Không	C27QT1	
51	2510100003	Nguyễn Thị Kiều	Vy	12/09/2007			8,0	Tám Phẩy Không	C27QT1	
52	2510100027	Nguyễn Triệu Như	Ý	10/09/2007			8,0	Tám Phẩy Không	C27KT	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 52 vắng thi: 0 Số bài thi/Số tờ: _____ / _____.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 03 tháng 11 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phan Ngọc Quỳnh Châu

Ngày 03 tháng 11 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Đặng Thành Cường

**PHÒNG KHẢO THI VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG**

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Giáo dục thể chất 1 - MH1109023

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25111MH110902301 Số tín chỉ: 1

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Đặng Thành Cường

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 03/11/2025 Giờ thi: 07h45 Phòng thi: SAN1

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2510150009	Huỳnh Tuấn Anh	24/05/2007			10,0	Mười Phẩy Không	C27LG	
2	2510100036	Nguyễn Trần Trọng Ân	22/07/2005			9,0	Chín Phẩy Không	C27QT2	
3	2510130008	Nguyễn Hoài Nguyên Bảo	28/10/2007			9,0	Chín Phẩy Không	C27TA	
4	2510100004	Nguyễn Trần Quảng Bình	05/09/2007			9,0	Chín Phẩy Không	C27QT1	
5	2410010045	Lâm Chí Cường	09/01/2006			7,0	Bảy Phẩy Không	C26TH	
6	2510100040	Thạch Thái Dương	07/10/2007			10,0	Mười Phẩy Không	C27QT2	
7	2510110008	Trần Nguyễn Anh Đào	12/06/2007			8,0	Tám Phẩy Không	C27KT	
8	2410010093	Lê Tấn Đạt	12/02/2005			10,0	Mười Phẩy Không	C25TH3	
9	2510160012	Nguyễn Phát Đạt	28/12/2007			9,0	Chín Phẩy Không	C27TM	
10	2310150049	Phan Hải Đăng	09/01/2002			9,0	Chín Phẩy Không	C25LG2	
11	2510100022	Nguyễn Minh Hải	15/05/2007			9,0	Chín Phẩy Không	C27QT1	
12	2510110001	Nguyễn Bá Minh Huy	30/07/2005			10,0	Mười Phẩy Không	C27KT	
13	2510100007	Trần Thanh Huỳnh	02/09/2007			10,0	Mười Phẩy Không	C27QT1	
14	2510100025	Đặng Văn Hùng	28/05/2007			10,0	Mười Phẩy Không	C27QT1	
15	2510130010	Nguyễn Minh Đăng Kha	21/04/2007			9,0	Chín Phẩy Không	C27TA	
16	2410120028	Phan Văn Kha	23/12/2003			9,0	Chín Phẩy Không	C26TC	
17	2510010005	Võ Minh Kha	09/05/2007			10,0	Mười Phẩy Không	C27LG	
18	2510100041	Trần Phúc An Khang	14/03/2005			10,0	Mười Phẩy Không	C27QT2	
19	2210010141	Đỗ Văn Hoàng Khanh	08/12/2002			8,0	Tám Phẩy Không	C24TH4	
20	2510160002	Lý Minh Khoa	31/10/2000			10,0	Mười Phẩy Không	C27TM	
21	2510160008	Nguyễn Đình Ngọc Khoa	31/10/2007			9,0	Chín Phẩy Không	C27TM	
22	2510150008	Nguyễn Đăng Khôi	23/11/2007			9,0	Chín Phẩy Không	C27LG	
23	2510100019	Võ Thanh Lâm	24/02/2007			9,0	Chín Phẩy Không	C27QT1	
24	2410120027	Nguyễn Khánh Linh	21/06/2006			8,0	Tám Phẩy Không	C26TC	
25	2310160036	Huỳnh Tấn Lộc	16/10/2004			10,0	Mười Phẩy Không	C25TM	
26	2510160001	Lâm Hải Luân	02/06/2003			10,0	Mười Phẩy Không	C27TM	
27	2310160035	Nguyễn Minh Luân	08/11/2005			7,0	Bảy Phẩy Không	C25TM	
28	2510160014	Phan Minh	17/12/2007			10,0	Mười Phẩy Không	C27TM	
29	2510110005	Dương Thuỷ Mỹ	14/01/2007			8,0	Tám Phẩy Không	C27KT	
30	2510160011	Hà Phúc Nguyên Nam	28/04/2007			10,0	Mười Phẩy Không	C27TM	
31	2510120003	Nguyễn Thị Thúy Ngân	31/01/2007			7,0	Bảy Phẩy Không	C27KT	
32	2510110002	Võ Thị Bảo Ngọc	14/12/2007			7,0	Bảy Phẩy Không	C27KT	
33	2510110006	Hồ Thảo Nguyên	03/01/2007			7,0	Bảy Phẩy Không	C27KT	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
34	2210120048	Nguyễn Trọng Nguyên	14/01/2003			9,0	Chức Phẫu Khôg	C24TC2	
35	2510100010	Phạm Khắc Nguyên	05/12/2007			10,0	Mười Phẫu Khôg	C27QT1	
36	2410010042	Nguyễn Lê Hữu Nhân	01/06/2006			9,0	Chức Phẫu Khôg	C26TH	
37	2510150005	Lê Hoàng Phát	17/10/2007			7,0	Phẫu Phẫu Khôg	C27LG	
38	2510150011	Nguyễn Tấn Phát	29/05/2007			10,0	Mười Phẫu Khôg	C27LG	
39	2510120001	Mai Thái Phong	09/10/1999			10,0	Mười Phẫu Khôg	C27KT	
40	2510130005	Nguyễn Thanh Phương	31/08/2000			8,0	Tám Phẫu Khôg	C27TA	
41	2510150006	Lê Mai Hoàng Quân	25/10/2003			10,0	Mười Phẫu Khôg	C27LG	
42	2510100008	Nguyễn Quán Thành	05/03/2006			9,0	Chức Phẫu Khôg	C27QT1	
43	2510150002	Nguyễn Trần Quốc Thắng	24/02/2007			9,0	Chức Phẫu Khôg	C27LG	
44	2510100020	Ngô Minh Thi	29/11/2007			9,0	Chức Phẫu Khôg	C27QT1	
45	2310150046	Nguyễn Hoàng Thuận	24/05/2005			9,0	Chức Phẫu Khôg	C25LG2	
46	2510110007	Lê Phúc Triệu	12/09/2007			7,0	Phẫu Phẫu Khôg	C27KT	
47	2410120029	Đinh Hoàng Đoàn Trinh	06/10/2006			9,0	Chức Phẫu Khôg	C26TC	
48	2310010095	Nguyễn Hữu Trí	06/10/2005			9,0	Chức Phẫu Khôg	C25TH3	
49	2310010098	Nguyễn Quang Trường	13/06/2005			8,0	Tám Phẫu Khôg	C25TH3	
50	2510110003	Đinh Bội Tuyền	27/07/2007			10,0	Mười Phẫu Khôg	C27KT	
51	2510100033	Nguyễn Kiến Văn	21/10/2006			9,0	Chức Phẫu Khôg	C27QT1	
52	2510110004	Nguyễn Trần Ngọc Yến	26/02/2001			9,0	Chức Phẫu Khôg	C27KT	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 52 vắng thi: 0. Số bài thi/Số tờ: _____/_____.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____%

Ngày 03 tháng 11 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Ngọc Quỳnh Châu

Ngày 03 tháng 11 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Đặng Thành Cường